

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN AN GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN AN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703020012

**3. Ngày thành lập:** 02/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà B5, Khu dân cư Nam Thịnh, Đường Xuyên Á, Tổ 4D, Khu phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0939546039

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659        |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, Bán buôn sơn, vécni, Bán buôn kính xây dựng...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>– Tư vấn kiến trúc; Lập quy hoạch xây dựng;<br>– Tư vấn khảo sát xây dựng;<br>– Thiết kế, thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; chính)<br>– Thiết kế hệ thống cơ - điện, hạ tầng kỹ thuật, chống sét, phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan công trình xây dựng;<br>– Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, lắp đặt thiết bị công nghệ, lắp đặt thiết bị công trình;<br>– Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;<br>– Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà thầu. | 7110(Chính) |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 02/12/2021 đến ngày 01/01/2022

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên              | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ĐỖ NGUYỄN VŨ             | Việt Nam  | Số 26/8 Đường số 59, Khu phố 1, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 1.000.000.000         | 25,000    | 052086002183                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN HỮU VƯƠNG MINH QUANG | Việt Nam  | Xóm 4, Thôn Tả Giang 2, Xã Tây Giang, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam           | 2.000.000.000         | 50,000    | 215102161                                                                                               |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ THƠM             | Việt Nam  | Tổ 3, Ấp 7, Xã Thanh Sơn, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam                      | 1.000.000.000         | 25,000    | 272792721                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU VƯƠNG MINH QUANG      Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1990      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 215102161

Ngày cấp: 05/02/2020      Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Xóm 4, Thôn Tả Giang 2, Xã Tây Giang, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà B5, Khu dân cư Nam Thịnh, Đường Xuyên Á, Tổ 4D, Khu phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương